

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST
Ngày 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đôn Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Nhung
2. Bà Doãn Thị Vệ

- T ký phiên toà: Ông Lê Đình Hiệp - T ký Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Phạm Thùy L - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Mỹ L; sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Đình V, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Phan Đình V chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 5 năm 2014, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phan Anh T sinh ngày 27/5/2016. Sau khi con chung được sinh ra, đến ngày 04/10/2016, anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh

Phú Thọ). Sau khi kết hôn, chị L về sống cùng anh V và gia đình nhà chồng tại thôn B, xã L, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã N, tỉnh Phú Thọ). Tuy nhiên, ngay sau cưới một thời gian ngắn, giữa chị và anh V đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do vợ chồng có lối sống không hợp nhau dẫn đến việc Tổng xuyên xảy ra cãi vã và bạo lực gia đình. Từ tháng 12/2016 đến nay chị và anh V đã sống ly thân, chị L đã đưa cháu Phan Anh T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quá trình sống ly thân, vợ chồng không hỏi han, quan tâm cũng như không có biện pháp nào hàn gắn hôn nhân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đình V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là cháu Phan Anh T, sinh ngày 27/5/2016, hiện đang ở cùng chị. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phan Đình V nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không thu thập được lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp Dng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Mỹ L, cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Anh T, sinh ngày 27/5/2016. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Chị L có đơn đề nghị ly hôn anh V và giải quyết về vấn đề con chung, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu Tổng trú tại xã N, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân

khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Bị đơn anh Phan Đình V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hà Thị Mỹ L và anh Phan Đình V chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2014, nhưng đến ngày 04/10/2016, anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, chị L, anh V được công nhận là vợ chồng hợp pháp từ thời điểm 04/10/2016.

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Mâu thuẫn giữa chị L, anh V đã phát sinh ngay sau thời điểm kết hôn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng Tổng xuyên xảy ra cãi vã, bạo lực gia đình khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị L và anh V đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cả chị L và anh V đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, tuy không thu thập được lời khai của anh V, nhưng ông Phan V A, bố đẻ của anh V đã xác nhận giữa anh V và chị L Tổng xuyên xảy ra việc xô xát, cãi chửi nhau, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thành. Thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh V đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị L, anh V ly hôn.

[3] Về con chung: Chị L xác định anh chị có 01 con chung là cháu Phan Anh T, sinh ngày 27/5/2016, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, tuy anh V không lên Tòa án làm việc, nhưng căn cứ lời khai của chị L, ông A (bố đẻ của anh V), xác nhận của chính quyền địa phương và giấy khai sinh của cháu T xác định cháu Phan Anh T là con chung của chị L và anh V.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền nhưng cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu T đã được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2016 cho đến nay, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng mẹ. Để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của cháu T và cũng là nguyện vọng của cả chị

L và cháu T nên cần giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo Dc con chung là phù hợp, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp Dng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử Dng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Mỹ L được ly hôn anh Phan Đình V.
2. Về con chung: Chị Hà Thị Mỹ L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo Dc cháu Phan Anh T, sinh ngày 27/5/2016. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Hà Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002868 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Phú Thọ). Chị L đã nộp đủ án phí.
5. Thời hạn kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày A án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
6. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8, tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đôn Minh Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn V An Bùi Thị Bích Liên

Nguyễn Thị Thu Hiền